

VINA 3 – BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI TOÁN 6
GIÁO VIÊN: NGUYỄN HÙNG CƯỜNG
TÍNH TOÁN TRÊN CÁC LŨY THỪA (PHẦN 1) – ĐÁP ÁN

www.vinastudy.vn

Phương pháp: Vận dụng linh hoạt các công thức, phép tính về lũy thừa để tính cho hợp lí và nhanh. Biết kết hợp hài hòa một số phương pháp trong tính toán khi biến đổi.

Bài 1. Tính giá trị các biểu thức sau: $A = \frac{8^{10} \cdot 5^7 + 2^{13} \cdot 125^9}{2^{27} \cdot 5^7 + 32^2 \cdot 5^{27}}$

Phương pháp giải

$$A = \frac{8^{10} \cdot 5^7 + 2^{13} \cdot 125^9}{2^{27} \cdot 5^7 + 32^2 \cdot 5^{27}} = \frac{(2^3)^{10} \cdot 5^7 + 2^{13} \cdot (5^3)^9}{2^{27} \cdot 5^7 + (2^5)^2 \cdot 5^{27}} = \frac{2^{30} \cdot 5^7 + 2^{13} \cdot 5^{27}}{2^{27} \cdot 5^7 + 2^{10} \cdot 5^{27}} = \frac{2^{13} \cdot 5^7 (2^{17} + 5^{20})}{2^{10} \cdot 5^7 (2^{17} + 5^{20})} = 2^3 = 8$$

Bài 2. Chứng tỏ rằng:

a) $A = 10^{2008} + 125 : 45$

b) $M = 8^{10} + 2^{25} : 33$

c) $H = 313^5 \cdot 299 - 313^6 \cdot 36 : 7$

Phương pháp giải

Với bài toán này, học sinh phải huy động kiến thức về dấu hiệu chia hết, kĩ năng và phương pháp biến đổi, lưu ý rằng: nếu $a : m$, $a : n$, $(m, n) = 1$ thì $a : m \cdot n$ ($a, m, n \in \mathbb{N}^*$)

a) $A = 10^{2000} + 125$

Ta có: $10^{2000} + 125 = \overline{100\dots0} + 125 = \overline{100\dots0125}$

2000 số 0

1997 số 0

A có tận cùng là 5 $\Rightarrow A : 5$

Tổng các chữ số của A là: $1+1+2+5 = 9 \Rightarrow A : 9$.

$\rightarrow A : 45$

$$b) M = 8^{10} + 2^{25}$$

Trước tiên phải đưa về hai lũy thừa có cùng cơ số:

$$M = 8^{10} + 2^{25} = (2^3)^{10} + 2^{25} = 2^{30} + 2^{25}$$

$$M = 2^{25} (2^5 + 1) = 2^{25} (32 + 1) = 2^{25} \cdot 33 : 33$$

Vậy M : 33

$$c) H = 313^5 \cdot 299 - 313^6 \cdot 36$$

$$H = 313^5 \cdot 299 - 313^6 \cdot 36$$

$$H = 313^5 \cdot 299 - 313^6 - 35 \cdot 313^6$$

$$H = 313^5 \cdot (299 - 313) - 35 \cdot 313^6$$

$$H = 313^5 \cdot 14 - 35 \cdot 313^6$$

$$H = 7 \cdot (313^5 \cdot 2 - 5 \cdot 313^6) : 7$$

Vậy H : 7

Bài 3. Cho $A = 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{100}$. Chứng tỏ rằng: $A : 3, A : 5$

Phương pháp giải

$$A = 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{100}$$

$$= (2 + 2^2) + (2^3 + 2^4) + (2^5 + 2^6) + \dots + (2^{97} + 2^{98}) + (2^{99} + 2^{100})$$

$$= 2 \cdot (1 + 2) + 2^3 \cdot (1 + 2) + 2^5 \cdot (1 + 2) + \dots + 2^{97} \cdot (1 + 2) + 2^{99} \cdot (1 + 2)$$

$$= (1 + 2) \cdot (2 + 2^3 + 2^5 + \dots + 2^{97} + 2^{99})$$

$$= 3 \cdot (2 + 2^3 + 2^5 + \dots + 2^{97} + 2^{99}) \Rightarrow A : 3$$

Tương tự, ta có:

$$A = (2 + 2^3) + (2^2 + 2^4) + \dots + (2^{97} + 2^{99}) + (2^{98} + 2^{100})$$

$$\begin{aligned}
 A &= 2(1 + 2^2) + 2^2(1 + 2^2) + \dots + 2^{97}(1 + 2^2) + 2^{98}(1 + 2^2) \\
 &= (1 + 2^2).(2 + 2^2 + 2^5 + 2^6 + \dots + 2^{97} + 2^{98}) \\
 &= 5.(2 + 2^2 + 2^5 + 2^6 + \dots + 2^{97} + 2^{98}) \Rightarrow \mathbf{A : 5}
 \end{aligned}$$

Bài 4. Chứng tỏ rằng: $D = 3 + 3^2 + 3^3 + 3^4 + \dots + 3^{1008} : 13$

Phương pháp giải

a) Ta thấy: $13 = 1 + 3 + 3^2$ nên ta sẽ nhóm 3 số hạng liên tiếp của tổng thành một nhóm như sau:

$$\begin{aligned}
 D &= (3 + 3^2 + 3^3) + (3^4 + 3^5 + 3^6) + \dots + (3^{1006} + 3^{1007} + 3^{1008}) \\
 &= 3.(1 + 3 + 3^2) + 3^4.(1 + 3 + 3^2) + \dots + 3^{1006}.(1 + 3 + 3^2) \\
 &= 3.13 + 3^4.13 + \dots + 3^{1006}.13 \\
 &= (3 + 3^4 + \dots + 3^{1006}).13 \Rightarrow \mathbf{D : 13}
 \end{aligned}$$

Bài 5. Chứng tỏ rằng: $E = 7^1 + 7^2 + 7^3 + 7^4 + \dots + 7^{399} + 7^{400} : 400$

Phương pháp giải

Tương tự bài 4, nhận thấy : $400 = 1 + 7 + 7^2 + 7^3$ nên:

$$\begin{aligned}
 E &= (7^1 + 7^2 + 7^3 + 7^4) + 7^4.(7^1 + 7^2 + 7^3 + 7^4) + \dots + 7^{396}.(7^1 + 7^2 + 7^3 + 7^4) \\
 &= (7^1 + 7^2 + 7^3 + 7^4).(1 + 7^4 + 7^8 + \dots + 7^{396}) \\
 &= 7.(1 + 7^1 + 7^2 + 7^3).(1 + 7^4 + 7^8 + \dots + 7^{396}) \\
 &= 7.(1 + 7 + 49 + 343).(1 + 7^4 + 7^8 + \dots + 7^{396}) \\
 &= 7.400.(1 + 7^4 + 7^8 + \dots + 7^{396}) : 400 \Rightarrow \mathbf{E : 400}
 \end{aligned}$$